

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 04/2024/HS - ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ly Việt Hùng

2. Bà Lương Thị Nhiễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại các Phòng xử án trực tuyến (điểm cầu trung tâm: Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang; các điểm cầu thành phần: 1. Phòng xử án trực tuyến Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang; 2. Phòng xử án trực tuyến Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lầu Mí K** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/3/1980 tại xã TL, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HS, xã TL, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 00208000xxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 04/8/2022; con ông Lầu Nhà S (đã chết) và bà Ly Thị S1 (sinh năm 1939); có vợ là: Ly Thị M (sinh năm 1981) và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: Có 02 tiền án: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tuyên phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại Bản án số 01/2011/HSST ngày 04/01/2011. Trong khi chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 23/11/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 57/2018/HS-ST (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/5/2002 bị Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang xử 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 26/12/2003, bị UBND tỉnh Hà Giang đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 tháng. Ngày 30/3/2006, bị Tòa án nhân dân huyện MV, tỉnh Hà Giang xử 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp từ ngày 04/10/2023; đến ngày 05/10/2023 bị bắt và tạm giữ; đến ngày 13 tháng 10 năm 2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. (Có mặt);

2. Họ và tên: **Giàng Mí S2** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/01/1999 tại xã TL, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HS, xã TL, huyện MV, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 002099002888, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 08/9/2022; con ông: Giàng Mí S3 (sinh năm 1976) và bà Vừ Thị D (sinh năm 1979); có vợ là: Vừ Thị Ph (sinh năm 1996) và 02 con: con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2023, hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/2024/HSST-QĐ ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí K:* Bà **Trần Thị Phương Nhung** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa);

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Mí S2:* Bà **Bùi Thị Hà** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Bị hại:* Anh **Sùng Mí P** - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn KTV, xã HQP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị **Vừ Thị L** - Sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn HPC, xã ST, huyện MV, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh **Chá Mí D1** - Sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn HC, xã ST, huyện MV, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: 1. Anh **Giàng Mí P1** - Sinh năm 2005; 2. Anh **Giàng Mí D2** - Sinh năm 2001; 3. Chị **Vừ Thị Ph** - Sinh năm 1996; 4. Anh **Lầu Mí L2** - Sinh năm 2001; 5. Chị **Ly Thị M** - Sinh năm 1981;

Có mặt chị Vừ Thị Ph; vắng mặt anh Giàng Mí P1, anh Giàng Mí D2, anh Lầu Mí L2, chị Ly Thị M không lý do.

Người phiên dịch tiếng Mông: Anh **Mua Mí Chá**; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 00 phút, ngày 19/7/2023, Lầu Mí K một mình bắt xe khách từ nhà đi ra chợ phiên LP thuộc thôn CL, xã LP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang để mua đồ dùng sinh hoạt cho gia đình. Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, K đến chợ LP. Sau khi ăn sáng xong, do trời mưa nên K đi xuống ngã ba LP - thị trấn MV -

LCh, đường tỉnh lộ 176. Xuống đến ngã ba, K vào đứng ở góc cuối hiên nhà phía trước của cửa hàng nội thất Sơn Dung, ở bên tay trái đường tỉnh lộ 176, theo hướng thành phố Hà Giang - MV. Trong lúc trú mưa, K thấy có nhiều xe máy của người dân đi chợ đỗ tại đó. Lúc này do trời mưa, bụi ngô cao che khuất tầm nhìn của hai hướng nên K nảy sinh ý định trộm cắp xe máy. K tiến đến chỗ đỗ nhiều xe máy. Đi được khoảng 20m, K thấy chiếc xe nhãn hiệu HONDA, màu đen - xanh, biển kiểm soát 23B1 - 440.10 (sau này biết xe của Sùng Mí P) đỗ ở bên trái đường bê tông. Thấy vậy, K tiến lại gần bên phải của chiếc xe máy dùng tay lắc thử đầu xe thì phát hiện xe không khóa cở. K cúi người xuống dùng tay phải thò vào bên trong mặt nạ phía trước của xe, kéo dây ổ khóa xuống, sau đó dùng hai tay rút dây điện nối giữa dây ổ khóa và bộ phận đánh điện đề nổ của xe máy ra. K dùng hai tay đầu nối hai đầu dây lại với nhau, đề xe nổ máy rồi điều khiển xe đi về nhà Giàng Mí S2, trú cùng thôn với K. Khoảng 08 giờ cùng ngày, K đỗ xe ở trước cửa nhà S2, lúc này, hai vợ chồng S2 đang ở nhà. Khi K vào trong nhà thì vợ S2 là Vừ Thị Phà ra vườn hái rau. K hỏi S2: “*mua xe không?*”, S2 hỏi “*xe nào?*” thì K dẫn S2 ra trước cửa nhà vừa nói vừa chỉ vào chiếc xe K vừa trộm cắp được. S2 xem xe và hỏi “*xe này K lấy đâu về?*”, K trả lời “*xe này là xe đen*”, S2 hỏi lại K “*xe đen là xe gì?*” thì K trả lời “*là xe trộm cắp*”, S2 hỏi “*K trộm ở đâu về?*”. K trả lời “*trộm ở xã LP, huyện Đ về*”, S2 nói “*vậy thì gần quá*”, K hỏi lại “*thế S2 mua không?*” S2 bảo “*thế thì K dắt xe vào trong nhà đã*”, S2 bảo K dắt xe vào trong phòng ngủ của S2 và thoả thuận giá mua bán xe tại đó. S2 hỏi “*K bán giá bao nhiêu?*” K trả lời “*bán giá 3.500.000 đồng*”. S2 nói “*vậy đắt quá*”. K nói “*vậy 2.500.000 đồng*”. S2 nói xe trộm chỉ trả 2.000.000 đồng thôi, S2 nói vậy K đồng ý. Sau khi thoả thuận việc mua bán xong, S2 và K ra phòng khách của nhà S2, đến phòng khách K nói vậy thì trừ luôn 1.000.000 đồng vào xe máy mà K cầm tháng trước cho S2 để K mang xe đó về nhà (*là chiếc xe của gia đình K*), S2 đồng ý và nói xe tháng trước K cầm 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) lãi một tháng 200.000 đồng, giờ cả gốc lẫn lãi thành 1.200.000 đồng, K đồng ý. Sau đó S2 vào trong phòng ngủ của S2 lấy ra một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa cho K rồi nói như vậy là 1.400.000 đồng, còn 600.000 đồng tối S2 đưa cho K sau, nghe S2 nói vậy K đồng ý và lấy xe của K cầm trước đó cho S2 về nhà. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, K gọi điện thoại cho S2 đòi số tiền còn lại, S2 nói là 2.000.000 đồng thì đắt nếu đúng giá 1.400.000 đồng thì mới mua, K nói là để nghĩ đã. Sáng hôm sau, ngày 20/7/2023 K sang nhà S2 hỏi số tiền còn lại thì S2 nói sợ và không mua xe máy nữa, nếu đúng giá 1.400.000 đồng thì mới mua, K đồng ý rồi đi về nhà.

Khoảng 08 giờ, ngày 21/7/2023, S2 một mình đi ra cửa hàng sửa chữa, mua bán xe máy Đức Độ thuộc tổ 4, thị trấn MV, huyện MV mua hai cái yếm xe màu đỏ - đen với giá 1.100.000 đồng về nhà để thay yếm cho chiếc xe S2 vừa mua từ K, S2 mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong cốp xe có: 01 Đăng ký xe máy, 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe và 01 Bảo hiểm xe máy (*đều mang tên Sùng Mí P*). Kiểm tra cốp xong, S2 đem hai cái yếm cũ vừa thay cùng với 01 Căn cước công dân, 01 Giấy phép lái xe vào đốt trong bếp nhà S2, chỉ giữ lại Đăng ký xe máy và bảo hiểm xe máy. Đến khoảng 15 giờ ngày

22/7/2023, S2 điều khiển chiếc xe mô tô mua từ K đi sang xã Sùng Trà, huyện MV bán cho anh Chá Mí D1 với giá 8.000.000 đồng.

Tại bản kết luận số 28/KL-HĐĐG ngày 10/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: chiếc xe mô tô có giá trị là 16.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Lầu Mí K, Giàng Mí S2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số 02/CT-VKSDV ngày 17/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Lầu Mí K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Giàng Mí S2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lầu Mí K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Giàng Mí S2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Mí K từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí S2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, trao đổi mua bán với nhau đã được thu hồi, các bị cáo đã thỏa thuận việc bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nay không có ai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội (02 chiếc điện thoại di động của hai bị cáo dùng liên lạc với nhau việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có); áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-440.10, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho bị hại. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; biên bản xác định hiện trường; sơ đồ và bản ảnh hiện trường; biên bản thực nghiệm điều tra, sơ đồ và bản ảnh thực nghiệm điều tra; biên bản xác minh và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Sùng Mí P có ý kiến: Sau khi sự việc xảy ra, gia đình bị cáo Lầu Mí K đã cùng với bị cáo Giàng Mí S2 bồi thường cho anh tổng số tiền 5.000.000 đồng, trong đó 4.000.000 đồng tiền sửa xe và 1.000.000 đồng do giấy tờ xe bị S2 đem đốt, phải làm lại (trong đó K bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, S2 bồi thường số tiền 3.500.000 đồng). Nay anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại anh chiếc xe máy do các bị cáo chiếm đoạt, đã được cơ quan điều tra thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Chá Mí D1 có ý kiến: Khoảng đầu tháng 8/2023, anh mua chiếc xe máy biển kiểm soát 23B1 - 440.10 do bị cáo S2 đem bán, khi mua anh có hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì S2 nói đó là xe của S2. Khi kiểm tra có đủ giấy tờ thì anh giao dịch mua bán với giá 8.000.000 đồng. Đến ngày 24/8/2023, chị Vừ Thị L đem 01 chiếc xe máy cũ để đổi lấy chiếc xe máy biển kiểm soát 23B1 - 440.10, thỏa thuận chị L trả thêm tôi 6.200.000 đồng tiền chênh lệch, hẹn đến tháng 10/2023 sẽ trả tiền. Tuy nhiên, khi chị L chưa kịp trả tiền thì chiếc xe đã bị cơ quan điều tra thông báo chiếc xe là tài sản do phạm tội mà có. Chị L lấy lại xe máy cũ của mình, không nhất trí đổi xe nữa. Nay chiếc xe đã bị cơ quan điều tra thu giữ. Bị cáo S2 đã bồi thường cho anh số tiền anh bỏ ra mua xe là 8.000.000 đồng. Nay anh không yêu cầu bị cáo S2 bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vừ Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong hồ sơ thể hiện ý kiến: Chị nhất trí lời khai của anh Chá Mí D1 về việc giao dịch trao đổi xe. Khi phát hiện chiếc xe là tài sản phạm pháp nên chị lấy xe của mình về, không nhất trí đổi xe nữa, không có liên quan đến tài sản do phạm tội mà có. Nay chị không có ý kiến gì.

Luận cứ bào chữa của bà Trần Thị Phương Nhung - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Lầu Mí K có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo K ở mức án tù từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và án phí và xử lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bà Bùi Thị Hà - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Giàng Mí S2 có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo S2 mức án 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự và án phí và xử lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên

Các bị cáo nhất trí với lời với chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí với lời luận tội và quan điểm của Kiểm sát viên, không bổ sung ý kiến gì. Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lầu Mí K là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, tại thôn Cờ Láng, xã LP, huyện Đ, bị cáo đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA, màu đen xanh, biển kiểm soát 23B1- 440.10 của anh S2 Mí có giá trị 16.000.000 đồng. Tại bản án số 57/2018/HS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang đã xác định bị cáo là tái phạm, khi chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này được xác định là “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Giàng Mí S2, tuy không hứa hẹn trước nhưng khi biết chiếc xe máy biển kiểm soát 23B1- 440.10 do bị cáo K mang đến bán là tài sản do người khác phạm tội mà có vẫn đồng ý mua, sau đó bán để kiếm lời. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Lầu Mí K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; truy tố đối với bị cáo Giàng Mí S2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

....

g) Tái phạm nguy hiểm.”

...

[4] Khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự quy định: “Người nào không hứa hẹn trước mà chừa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Lâu Mí K đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ; hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Giàng Mí S2 không chỉ xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, trật tự pháp luật mà còn gây trở ngại lớn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, tạo điều kiện khuyến khích người khác phạm tội. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[5] Về nhân thân, bị cáo Lâu Mí K có 02 bản án cùng xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” vào các năm 2002, 2006; 01 lần bị UBND tỉnh Hà Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính vào năm 2023. Tuy đến nay đã được xóa án tích nhưng vẫn bị coi là có nhân thân xấu. Bị cáo Giàng Mí S2 cso nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã tác động tích cực với gia đình hoặc tự mình thỏa thuận bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ngoài ra, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, cả hai bị cáo được hưởng chung các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Giàng Mí S2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc các bị cáo phải chấp

hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định mức hình phạt theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, như ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí K. Không có cơ sở để nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa Bùi Thị Hà về việc áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo Giàng Mí S2 được hưởng án treo do mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[8] Do các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, trong khi đang bị tạm giam, Lầu Mí K đã tích cực tác động với gia đình cùng với bị cáo Giàng Mí S2 bồi thường thiệt hại về tài sản bao gồm: 4.000.000 đồng tiền sửa xe và 1.000.000 đồng thiệt hại do giấy tờ xe bị S2 đem đốt với tổng số tiền 5.000.000 đồng cho bị hại Sùng Mí P (trong đó K bồi thường số tiền 1.500.000 đồng, S2 bồi thường số tiền 3.500.000 đồng), bị hại Phứ đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Ngoài ra, K đã trả lại số tiền 1.400.000 đồng tiền bán xe máy trộm cắp cho S2 để S2 bồi thường số tiền 8.000.000 đồng cho anh Chá Mí D1, Chá Mí D1 đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Nay bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Đối với Chá Mí D1, khi mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-440.10 từ Giàng Mí S2 không biết là tài sản do hành vi phạm tội mà có; đối với Giàng Mí Pó (trú cùng thôn với S2), khi S2 mang xe máy (*xe do hành vi phạm tội mà có*) đi bán, Pó có xin đi nhờ xe sang xã Sùng Trà, huyện MV để tìm mua xe, không biết việc S2 thực hiện hành vi phạm tội; Vừ Thị L khi thỏa thuận đổi chiếc xe không biết nguồn gốc chiếc xe phạm pháp nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[11] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1- 440.10 kèm 01 Giấy chứng nhận đăng ký là tài sản của bị hại nên cần trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Đối với 02 chiếc điện thoại di động của hai bị cáo dùng liên lạc với nhau việc tiêu thu tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Về án phí: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[15] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lầu Mí K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Giàng Mí S2 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Hình phạt:

2.1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lầu Mí K 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 04/10/2023).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Mí S2 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

3.1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho anh Sùng Mí P - Sinh năm: 1997; Địa chỉ: Thôn Khu Trù Ván, xã Hồ Quang Phìn, huyện Đ, tỉnh Hà Giang các tài sản, gồm:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn xanh đen, Biển số 23B1- 440.10. Xe không có kính gương bên trái, tai gương bị vỡ. Xe không có yếm bên phải, yếm bên trái bị vỡ. Vỏ xe, ghế xe có nhiều vết xước. Xe đã qua sử dụng;

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số 043347;

3.2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO; mặt hình màu đen, mặt sau màu xanh, góc phải trên của phía mặt sau điện thoại bị vỡ, nứt; góc dưới bên phải điện thoại có dòng chữ OPPO; điện thoại đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA C6Pro, màu đen, có bàn phím nút bấm màu đen, mặt sau ốp điện thoại màu đen, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không tiến hành kiểm tra bên trong và sim của điện thoại.

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 17/01/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm